TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 15 - 6 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý
2. Ông Võ Thành Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 295, ấp Nước Trong, xã Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1981 và bà **Nguyễn Thị Kim Quyên**, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (Vắng mặt không có lý do)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Cao Minh Trí**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 295, ấp Nước Trong, xã Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày: Sáng ngày 20/12/2022, ông Trần Văn D vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có lập giấy nợ và thống nhất thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay (Tức đến ngày 20/01/2023). Giấy nhận nợ do ông D tự viết,

ghi thời gian vay là 20/12/2012 nhưng thực chất là vay ngày 20/12/2022. Đồng thời, buổi chiều ngày 20/12/2022 ông D đến nhà bà T vay thêm 10.000.000 đồng nhưng không gặp bà T, ông Cao Minh Trí (Chồng của bà T) đưa cho ông D thêm 10.000.000 đồng nhưng không làm giấy biên nhận nợ, thỏa thuận thời hạn trả theo giấy nợ 20.000.000 đồng (20/01/2023 trả). Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng lãi ngày một ngày 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng. Khi vay chỉ có mình ông D ký nhận nợ và nhận tiền nhưng bà Quyên vợ ông D biết việc vay nợ. Sau khi vay ông D, bà Quyên trả lãi đầy đủ được 01 tháng là 1.800.000 đồng nhưng không trả gốc. Từ 21/01/2023 đến nay ông D, bà Quyên không trả cả gốc lẫn lãi.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu ông D và bà Quyên phải trả tổng số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/12/2022 với mức lãi suất 1.65%/tháng, phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Bà T đồng ý trừ khoản lãi ông D, bà Quyên đã đóng 1.800.000 đồng.

Ông Cao Minh Trí có yêu cầu giải quyết vắng mắt, có văn bản thống nhất lời trình bày của bà T và đồng ý để bà T khởi kiện toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng ông D, bà Quyên vay.

**Bị đơn – ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Quyên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Quyên tranh chấp hợp đồng vay tài sản số tiền gốc 30.000.000 đồng, chứng cứ cung cấp là Giấy mượn nợ ngày 20/12/2012. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T xác nhận giấy nhận nợ này được viết vào ngày 20/12/2022, không phải năm 2012. Ngoài ra, bà T, ông Trí còn xác định chồng bà (ông Trí) có đưa cho ông D vay thêm 10.000.000 đồng, không làm giấy biên nhận. Bị đơn Trần Văn D, Nguyễn Thị Kim Quyên đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng không có ý kiến trả lời, không tham gia phiên hòa giải nên Hội đồng xét xử thừa nhận chứng cứ do bà T cung cấp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện đòi 30.000.000 đồng tiền gốc của bà T được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Giấy nhận nợ do ông Trần Văn D ký tên, tuy nhiên khoản nợ này được vay trong thời kỳ hôn nhân và bà Quyên biết nên bà Quyên phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông D.

[4] Về lãi suất: Khi vay hai bên không ghi lãi suất trên giấy nợ nhưng bà T thừa nhận đã nhận tiền lãi trong 01 tháng là 1.800.000 đồng. Như vậy, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi. Tuy nhiên lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn quy định của pháp luật nên phải tính lại cho phù hợp. Bà T yêu cầu lãi 1,65% tính từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm và đồng ý khấu trừ phần lãi đã trả là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà T yêu cầu lãi 1,65%/tháng, từ ngày 20/12/2022 đến ngày xét xử (15/6/2023) là 05 tháng 25 ngày, thành tiền là 2.887.500 đồng. Khấu trừ số tiền lãi đã trả 1.800.000 đồng, ông D, bà Quyên còn phải trả 1.087.500 đồng tiền lãi. Cộng cả lãi và gốc, ông D, bà Quyên còn phải trả 31.087.500 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận toàn bộ nên bà T không phải nộp án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T. Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Quyên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Quyên có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 311.087.500 đồng (ba mươi mốt triệu không trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) trong đó 30.000.000 đồng tiền gốc và 1.087.500 đồng tiền lãi phát từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Quyên phải liên đới chịu 1.5554.500 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST theo lai thu số 0008956 ngày 03/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ tuyên án. Bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thúy Lành